

**UBND HUYỆN LÊ THỦY  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**

Số: 123/TCKH-NS  
V/v công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lê Thủy, ngày 05 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 của huyện trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp thực hiện./. *file*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Đình Hòa**

# NỘI DUNG CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 HUYỆN LỆ THỦY

(Kèm theo Công văn số 123 /TCKH-NS ngày 05 /7/2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

## 1. Thu ngân sách

Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2019 trên địa bàn huyện là 167.406 triệu đồng, tăng 28,2% so với dự toán tình giao năm 2018. Xác định được tầm quan trọng của công tác thu ngân sách để đảm bảo cân đối các nhiệm vụ chi theo Nghị quyết HĐND huyện đã phê chuẩn, ngay từ đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các phòng ban liên quan tập trung thu ngân sách, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kịp thời thu các khoản thu và nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định, phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch giao năm 2019.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2019, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không kể khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh): 181.414 triệu đồng, đạt 108,37% so với KH giao, bằng 161% so với cùng kỳ, trong đó, các khoản thu trong cân đối không kể nguồn thu cấp quyền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng 68.910 triệu đồng, đạt 94,11% so với kế hoạch giao. Một số khoản thu chủ yếu như sau:

- Thu từ khu vực CTNNQD: 31.803 triệu đồng, đạt 99,38% so KH giao, bằng 150,17% so với cùng kỳ. Khoản thu này tăng cao là do tiền thuế tài nguyên tỉnh cấp phép và quản lý thu đối với các doanh nghiệp trên địa bàn huyện và được điều tiết cho ngân sách huyện theo quy định.

- Lệ phí trước bạ: 11.931 triệu đồng, đạt 62,79% so với KH giao, bằng 145,5% so với cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 42 triệu đồng, đạt 60,0% so với KH giao, bằng 107,7% so với cùng kỳ.

- Tiền thuê đất: 5.525 triệu đồng, đạt 100,45% so với KH giao, bằng 91,3% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền sử dụng đất 110.570 triệu đồng đạt 117,4% KH giao, bằng 234,67% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 3.582 triệu đồng, đạt 597% so với KH giao, bằng 37,4% so với cùng kỳ. Khoản thu này đạt cao là do tình cấp phép và quản lý thu đối với các doanh nghiệp có khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện và được điều tiết cho ngân sách huyện theo quy định.

- Thu phí, lệ phí: 8.581 triệu đồng, đạt 199,56% so với KH giao, bằng 87,5% so với cùng kỳ. Khoản thu này đạt cao so với kế hoạch giao là do thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tỉnh quản lý được điều tiết một phần về ngân sách huyện.

- Thuế thu nhập cá nhân: 2.839 triệu đồng, đạt 68,4% so với KH giao, bằng 131,6% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: 4.607 triệu đồng, đạt 60,62% so với KH giao, bằng 77,16% so với cùng kỳ, (trong đó thu phạt an toàn giao thông 321 triệu đồng, đạt 35,67% so với KH giao, thu từ quỹ đất 5% 1.509 triệu đồng đạt 50,3% KH giao).

*Handwritten signature*

- Thu đóng góp: 1.935 triệu đồng.

(Chi tiết thu ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 02 kèm theo)

Nhìn chung, thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 đạt được kết quả tích cực thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, đơn vị, các xã, thị trấn đã xác định được tầm quan trọng của công tác thu ngân sách nên đã tập trung chỉ đạo triển khai giao dự toán thu sớm, chi tiết đến từng chỉ tiêu, thường xuyên nắm tình hình để đôn đốc thu nộp, chống thất thu thuế, trốn lậu thuế, khai thác mọi nguồn thu để nộp vào ngân sách theo quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại trong công tác thu ngân sách như sau:

- Một số xã, thị trấn, đơn vị chưa tích cực thu các khoản thu như phí, hoa lợi công sản, thu phạt... nên khoản thu này còn đạt thấp.

- Mặc dù số thu tiền sử dụng đất đạt tỷ lệ khá cao (đạt 117,4% so với KH giao và bằng 234,67% cùng kỳ) nhưng chỉ mới có 10 xã, thị trấn có số thu từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất (có 02 xã số thu từ năm 2018 chuyển sang). Đến nay, UBND tỉnh không giao cho UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư các dự án tạo quỹ đất nên việc triển khai các hồ sơ, thủ tục để đấu giá quyền sử dụng đất của các xã, thị trấn chưa thực hiện được dẫn đến thu không đạt kế hoạch giao và chưa có nguồn để chi đầu tư. Ngoài ra, theo quy định hiện nay, thời hạn nộp tiền đấu giá quyền sử dụng đất được kéo dài so với trước đây nên gây khó khăn cho việc quản lý và điều hành ngân sách.

## 2. Chi ngân sách

Năm 2019 là năm thứ 3 của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, theo đó các định mức chi cơ bản ổn định. Việc điều hành chi ngân sách huyện và ngân sách các xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2019 đã thực hiện theo hướng triệt để tiết kiệm, trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương và bám sát dự toán HĐND huyện giao đầu năm, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

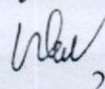
Tổng chi NS địa phương thực hiện 6 tháng (không bao gồm chi chuyển giao cho ngân sách cấp xã): 406.886 triệu đồng, đạt 55,28% so với dự toán giao. Trong đó, chi ngân sách cấp huyện: 329.622 triệu đồng, đạt 58,88%; chi ngân sách cấp xã: 77.264 triệu đồng, đạt 43,83%.

Một số nhiệm vụ chi chủ yếu như sau:

**2.1. Chi đầu tư:** Thực hiện 6 tháng đầu năm: 99.638 triệu đồng, đạt 99,49% so với KH giao. Trong đó: ngân sách huyện 84.882 triệu đồng, đạt 188,92% KH giao; ngân sách xã, thị trấn 14.756 triệu đồng, đạt 26,72% so với KH giao.

Đối với ngân sách cấp huyện, chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt cao so với kế hoạch giao là do chi bổ sung từ các nguồn không có trong kế hoạch vốn giao đầu năm như: vốn sự nghiệp; kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu; chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019,...

Đối với ngân sách cấp xã, dự toán chi đầu tư chủ yếu từ nguồn thu đấu giá cấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay nguồn thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng



đất của một số xã, thị trấn chưa thực hiện được nên chưa có nguồn để bố trí, do đó số này còn thấp so với kế hoạch giao.

**2.2. Chi thường xuyên:** Thực hiện 6 tháng đầu năm: 301.180 triệu đồng, đạt 48,39% so với KH giao, cụ thể:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 13.533 triệu đồng, đạt 27,24% so với KH giao. Khoản chi này đạt thấp so với dự toán giao do UBND huyện đã bố trí từ nguồn này để chi đầu tư như: hỗ trợ phát triển đất trồng lúa 9.764 triệu đồng, trả nợ KCH kênh mương: 5.962 triệu đồng...

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 151.693 triệu đồng, đạt 46,67%. Các chế độ phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp, trợ cấp cho giáo viên vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; chế độ cấp bù học phí cho các trường, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi, hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật... đã được thực hiện kịp thời, đúng chế độ quy định.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số: 19.685 triệu đồng, đạt 64,54% so với KH giao. Các chế độ bảo hiểm y tế của các đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em, người nghèo,... được đảm bảo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng trong công tác khám chữa bệnh.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao: 1.967 triệu đồng, đạt 32,24%.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 675 triệu đồng, đạt 54,61%.

- Chi đảm bảo xã hội: 27.079 triệu đồng, đạt 47,95%. Các chính sách an sinh xã hội, thực hiện Luật Người cao tuổi, chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/NĐ-CP của Chính phủ, chi trả hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; chi trả trợ cấp cho cán bộ xã nghỉ việc... được đảm bảo kịp thời, đúng chế độ quy định.

- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: 73.891 triệu đồng, đạt 56,08% KH giao. Các chế độ, chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp như phụ cấp công vụ, các chế độ phụ cấp công tác đảng, đoàn thể, phụ cấp thâm niên nghề, chính sách thực hiện đề án 500... đã được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức theo chế độ quy định.

- Chi an ninh: 1.613 triệu đồng, đạt 94,94%. Khoản chi ngày đạt cao là do tỉnh bổ sung kinh phí phục vụ công tác đảm bảo thu phạt trên địa bàn, huyện bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh về công tác đảm bảo an ninh trên địa bàn như kinh phí bảo vệ kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và thi THPT quốc gia, làm việc với huyện Sê Pon tỉnh Savanakhet -Lào...

- Chi quốc phòng: 4.686 triệu đồng, đạt 60,27% so với KH giao.

- Chi sự nghiệp môi trường: 4.890 triệu đồng, đạt 50,25% so với KH giao. Các chế độ, chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp đã được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức theo chế độ quy định.

- Chi khác ngân sách: 1.468 triệu đồng, đạt 59,85% so với KH giao.

**2.3. Chi dự phòng ngân sách huyện:** Dự phòng ngân sách cấp huyện bố trí trong dự toán 10.257 triệu đồng, đến 30/6/2019 đã phân bổ 4.565 triệu đồng, đạt 44,51%. Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách chủ yếu để đảm bảo an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, khắc phục sửa chữa

Whe

một số công trình cấp bách trên địa bàn và một số hoạt động đột xuất cần thiết chưa được bố trí trong dự toán (Chi tiết có phụ lục số 2.1 kèm theo)

**2.4. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã, thị trấn:** 56.129 triệu đồng. Khoản chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho khối xã, thị trấn được giao theo dự toán đầu năm, các đơn vị thực hiện rút vốn bằng dự toán tại KBNN theo chế độ quy định.

\* Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chi ngân sách trên địa bàn vẫn còn một số khó khăn, tồn tại cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện đó là:

- Một số xã, đơn vị còn chậm triển khai thực hiện, giải ngân các nguồn vốn như Chương trình MTQG xây dựng NTM, Chương trình MTQG GNBV, nhà ở người có công...

- Công tác điều hành chi ngân sách của một số xã, thị trấn, đơn vị thiếu kịp thời, chưa phát huy hiệu quả.

(Chi tiết chi ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 03 kèm theo)

*nhue*

**Phụ lục số 01**

(Kèm theo Công văn số 123/TCKH-NS ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh TH/DT(%)
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>762.648</b>	<b>684.599</b>	<b>89,77</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>167.406</b>	<b>181.414</b>	<b>108,4</b>
	- Thu nội địa	167.406	181.414	108,4
	- Thu viện trợ	0	0	
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang</b>		<b>90.518</b>	
<b>III</b>	<b>Thu từ ngân sách tỉnh</b>	<b>595.242</b>	<b>412.667</b>	<b>69,3</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>736.095</b>	<b>406.886</b>	<b>55,28</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NS ĐP</b>	<b>736.095</b>	<b>406.886</b>	<b>55,28</b>
1	Chi đầu tư phát triển	100.149	99.638	99,49
2	Chi thường xuyên.	622.458	301.180	48,39
3	Dự phòng	13.488	6.068	44,98
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh</b>			

Ghi chú: + Số chi có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đã chuyển vào các nhiệm vụ chi

PHỤ LỤC SỐ 02

TỈNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 123 /TCKH-NS ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2019						Thực hiện đến 30/6/2019						Số sánh TH/DY (%)			
	Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó			NST	NSH	Chia ra	
	Tổng số	NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Xã	Chia ra	NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Xã	Chia ra	H			X	
	762.648	26.553	736.095	559.780	176.315	684.599	34.923	649.676	511.584	138.092	89,77	131,52	88,26	91,39	78,32	
1. Thu ngân sách NN trên địa bàn	167.406	26.553	140.853	72.464	68.389	181.414	34.923	146.491	87.573	58.918	108,37	131,52	104,00	120,85	86,15	
Số thu trong cân đối không kể CQSDĐ	73.220	4.199	69.022	55.851	13.170	68.910	4.543	64.367	45.487	18.880	94,11		93,26	81,44	143,35	
1. Thuế CTN và DV NQĐ	32.000	848	31.153	30.305	848	31.803	-	31.803	26.462	5.341	99,38		102,09	87,32	630,21	
+ GTGT	26.494		26.494	26.494		19.234		19.234	19.234		72,60		72,60	72,60		
+ TNDN	3.000		3.000	3.000		1.716		1.716	1.716		57,20		57,20	57,20		
+ Tiêu thụ DB	111		111	111		52		52	52		46,85		46,85	46,85		
+ Tài nguyên	1.695	848	848		848	10.801		10.801	5.460	5.341	637,33		1.274,45			
+ Thu khác	700		700	700		-		-	-	-	-		-	-		
2. Lệ phí trước bạ	19.000		19.000	18.258	742	11.931		11.931	11.378	553	62,79		62,79	62,32	74,53	
3. Thuế SD ĐNN			-			-		-			-		-	-		
4. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	70		70	37	33	42		42	13	29	60,00		60,00	35,04	88,15	
5. Thu tiền thuê đất	5.500	1.100	4.400	4.400	4.400	5.525	1.105	4.420		4.420	100,45	100,45	100,45	100,45		
6. Thu tiền sử dụng đất	94.186	22.354	71.832	16.613	55.219	110.570	30.380	80.189	41.786	38.403	117,40	135,90	111,64	251,53	69,55	
7. Thu cấp quyền khai thác	600	300	300		300	3.582	519	3.063	1.283	1.780	597,00	173,00	1.021,00		593,33	
8. Thu phí và lệ phí	4.300	783	3.517	959	2.558	8.581	1.484	7.097	2.975	4.122	199,56	189,53	201,79	310,15	161,15	
9. Thuế thu nhập cá nhân	4.150		4.150	4.150	-	2.839	1	2.838	2.838		68,40		68,39	68,39		
10. Thu khác	7.600	1.168	6.432	2.142	4.290	4.607	1.434	3.173	538	2.635	60,62	122,77	49,33		61,42	
Trong đó: - Tại xã, thị trấn	1.290		1.290		1.290	1.126		1.126		1.126	87,29		87,29	87,29		
- Hoa lợi công sản	3.000		3.000		3.000	1.509		1.509		1.509	50,30		50,30	50,30		
- Tại huyện	3.310	1.168	2.142	2.142	-	1.972	1.434	538	538	-	59,58	122,77	25,12			

như

Chi tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2019						Thực hiện đến 30/6/2019						Số sánh TH/DY (%)				
	Trong đó						Trong đó						Trong đó				
	Tổng số	NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Xã	Chia ra	Tổng số	NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Xã	Chia ra	TS	NST	NSH	H	X
I. Các khoản thu khác	2.410	268	2.142	2.142	-	-	1.651	1.113	338	338	338	68.31	415,36	25,12			
+ Thu an toàn giao thông	909	909	-	-	-	-	321	321	-	-	-	33,67	35,67				
II. Thu đóng góp							1.935		1.935	300	1.635						
III. Thu chuyển nguồn																	
IV. Thu bổ sung từ NS cấp trên	595.242	-	595.242	487.316	107.926	-	90.518	-	90.518	67.473	23.045	69,33	69,33	73,16	52,01		
1. Bổ sung cân đối	535.702		535.702	438.287	97.415		317.332		317.332	267.851	49.481	59,24	59,24	61,11	50,79		
2. Bổ sung có mục tiêu	59.540		59.540	49.029	10.511		95.335		95.335	88.687	6.648	160,12	160,12	180,89	63,25		

*Handwritten signature*

PHỤ LỤC SỐ 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 123 /TCKH-NS ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2019	Trong đó		So sánh TH/DT (%)	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		NSH	NSX
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>736.095</b>	<b>559.780</b>	<b>176.315</b>	<b>406.886</b>	<b>329.622</b>	<b>77.264</b>	<b>55,28</b>	<b>58,88</b>	<b>43,82</b>
I	Chi đầu tư	100.149	44.930	55.219	99.638	84.882	14.756	99,49	188,92	26,72
	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				27.838	23.722	4.116			
II	Chi thường xuyên	622.458	504.593	117.865	301.180	240.175	61.005	48,39	47,60	51,76
1	Chi sự nghiệp kinh tế	49.674	33.840	15.834	13.533	8.727	4.806	27,24	25,79	30,35
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	325.053	325.053		151.693	151.693		46,67	46,67	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số	30.502	30.502		19.685	19.664	21	64,54	64,47	
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT	6.102	4.398	1.704	1.967	1.625	342	32,24	36,95	20,07
5	Chi sự nghiệp phát thanh	1.236	1.236		675	675		54,61	54,61	
6	Chi đảm bảo XH	56.479	48.204	8.275	27.079	24.476	2.603	47,95	50,78	31,46
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	131.755	46.592	85.163	73.891	22.662	51.229	56,08	48,64	60,15
8	Chi an ninh	1.699	720	979	1.613	1.164	449	94,94	161,67	45,86
9	Chi quốc phòng	7.775	2.638	5.137	4.686	3.385	1.301	60,27	128,32	25,33
10	Chi sự nghiệp môi trường	9.731	8.957	774	4.890	4.636	254	50,25	51,76	32,84
11	Chi khác ngân sách	2.453	2.453		1.468	1.468		59,85	59,85	
III	Dự phòng ngân sách	13.488	10.257	3.231	6.068	4.565	1.503	44,98	44,51	46,50

*Handwritten signature*